

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Lý Yến M, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà B30/8, Đường K, Tổ 8, Khu phố 2, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Thành S, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 1149, Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Lý Yến M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Lý Yến M và anh Võ Thành S kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương vào ngày 25/4/2011. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau và ngày một nhiều hơn. Nguyên nhân là do khi chị M đi làm còn anh S tuy có công việc là thợ hàn nhưng thường xuyên uống rượu và tổ chức uống rượu tại nhà mà không chăm lo làm ăn xây dựng gia đình, khi say xỉn anh S có hành vi gây thương tích cho chị M bị trầy xước và chấn thương ngoài da. Khoảng tháng 8/2018 thì anh S tiếp tục có hành vi uống rượu say xỉn, vợ chồng cự cãi rồi anh S đánh chị M. Chị M nhận thấy anh S luôn có hành vi bạo lực, trong lúc say xỉn không kiểm soát được hành vi của mình, chị M nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi nên từ tháng 8/2018 thì chị M không còn sống chung với anh S cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau thì không ai liên lạc hay tìm cách hàn gắn tình cảm với ai.

Nay chị Phạm Thị Lý Yến M nhận thấy không còn tình cảm với anh S, hôn nhân không thể xây dựng lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Phạm Yến N, sinh ngày 19/6/2011 và Võ Phạm Yến Y, sinh ngày 14/9/2016. Hiện nay, cháu Yến N đang sống với chị M, cháu Yến Y đang sống với anh S. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Thành S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh S không có văn bản ghi ý kiến về việc chị M yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị Phạm Thị Lý Yến M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn anh Võ Thành S chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt không có lý do tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Lý Yến M đối với anh Võ Thành S.

Về con chung: Tiếp tục giao 02 cháu Võ Phạm Yến N, sinh ngày 19/6/2011 và Võ Phạm Yến Y, sinh ngày 14/9/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Lý Yến M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Võ Thành S có địa chỉ tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Lý Yến M và anh Võ Thành S là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương vào ngày 25/4/2011. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị M yêu cầu ly hôn với anh S vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, anh S không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh S có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh S không chăm lo làm ăn để cùng chị M xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên uống rượu, anh S còn đối xử không tốt có hành vi bạo lực gia đình với chị M. Từ đó dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không có tiếng nói chung, khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh S có 02 con chung tên Võ Phạm Yến N, sinh ngày 19/6/2011 và Võ Phạm Yến Y, sinh ngày 14/9/2016. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với chị M. Chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh S không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ

án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, 02 cháu Yến N và Yến Y sống với chị M đã ổn định, được chị chăm sóc tốt, khỏe mạnh và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Yến Nhi là được sống với chị M, thể hiện tại Văn bản ghi ý kiến của cháu ngày 25/7/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Võ Phạm Yến N và Võ Phạm Yến Y, phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, anh S không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Lý Yến M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Lý Yến M được ly hôn với anh Võ Thành S.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Phạm Yến N, sinh ngày 19/6/2011 và Võ Phạm Yến Y, sinh ngày 14/9/2016 cho chị Phạm Thị Lý Yến M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu.

Chị M và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Lý Yến M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010262 ngày 14/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Số ĐKKH: 77/2011, Quyền số: 01/2011, ngày 25/4/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ